TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

DIRECTORATE FOR STANDARDS
METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE AND
TESTING CENTER 1

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT

CERTIFICATE OF CONFORMITY TO TECHNICAL REGULATION

Số/*No:* **HQ.24.00.0006**

Chứng nhận sản phẩm/*this is to certify that:*

Dây cáp điện

(Chi tiết trong danh mục ban hành kèm theo giấy chứng nhận)

Nhãn hiệu thương mại/*trade mark: LS-Vina Cable & System*

Được sản xuất tại/*produced in:*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN VÀ HỆ THỐNG LS-VINA
LS-VINA CABLE & SYSTEM JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở và nhà máy Hải Phòng/*Head office and Hai Phong Factory:*
Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City

Nhà máy Đồng Nai/*Dong Nai Factory:*
Khu công nghiệp Nhơn Trạch II-Lộc Khang, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Nhon Trach II-Loc Khang Industrial Zone, Hiep Phuoc ward, Nhon Trach district, Dong Nai province

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia/*conforms to:*

QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN

VÀ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)
and can bear technical regulation mark

Phương thức chứng nhận/*system certify:*

Phương thức 5

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận và Dấu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật có giá trị từ/*this certificate and the mark is valid from*

24/7/2024 đến/to 23/7/2027

GIÁM ĐỐC
Director

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Kim Đức Thụ

QUATEST1 0006 24

Dấu hợp quy/regulation mark

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1228/QĐ-KT1

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy chứng nhận phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-TĐC ngày 22/4/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc "Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật" và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN";

Căn cứ báo cáo thẩm xét hồ sơ và kiến nghị cấp Giấy chứng nhận của Đoàn chuyên gia đánh giá được thành lập theo Quyết định số: 639/QĐ - KT1 ngày 26/4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận số HQ.24.00.0006 cho các sản phẩm dây cáp điện (Chi tiết trong danh mục ban hành kèm theo giấy chứng nhận) do Công ty Cổ phần Cáp điện và Hệ thống LS-Vina sản xuất phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN.
Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày 24/7/2024 đến ngày 23/7/2027.

Điều 2. Công ty Cổ phần Cáp điện và Hệ thống LS-Vina được quyền sử dụng Giấy chứng nhận và Dấu hợp quy theo quy định của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 trong thời hạn được chứng nhận đối với các sản phẩm đã nêu tại Điều 1.

Điều 3. Công ty Cổ phần Cáp điện và Hệ thống LS-Vina và Trưởng phòng Chứng nhận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, CN.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Kim Đức Thụ

CN/BM/06.02

DANH MỤC SẢN PHẨM DÂY CÁP ĐIỆN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN VÀ HỆ THỐNG LS-VINA, ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số HQ.24.00.0006 và Quyết định số .1228../QĐ-KT1 ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1)

TT	Tên sản phẩm *(Production)*	Tiết diện *(Specification)*	Vật liệ cách điện/vỏ bọc *(Insulation/ Sheath)*	Địa điểm sản xuất *(Producted in)*	Kiểu dây *(Style)*	Tiêu chuẩn đăng ký chứng nhận *(Standard announcement)*
1	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V – Cáp không có vỏ bọc một lõi có ruột dẫn cứng công dụng chung.	1.5; 2.5; 4.0; 6.0; 10; 16; 25; 35; 50; 70; 95; 120; 150; 185; 240; 300; 400 (mm^2).	PVC	Hải Phòng; Đồng Nai	6610 TCVN 01 *(227 IEC 01)*	TCVN 6610-3:2000 *(IEC 227-3:1993)*
2	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V – Cáp không có vỏ bọc một lõi có ruột dẫn mềm công dụng chung.	1.5; 2.5; 4.0; 6.0; 10; 16; 25; 35; 50; 70; 95; 120; 150; 185; 240 (mm^2).	PVC		6610 TCVN 02 *(227 IEC 02)*	
3	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V – Cáp có vỏ bọc bằng PVC nhẹ.	1.5; 2.5; 4.0; 6.0; 10; 16; 25; 35 (mm^2).	PVC/PVC		6610 TCVN 10 *(227 IEC 10)*	TCVN 6610-4:2000 *(IEC 227-4:1992)*
4	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V – Dây mềm có vỏ bọc bằng PVC thông dụng.	0.75; 1.0; 1.5; 2.5; 4.0; 6.0 (mm^2).	PVC/PVC		6610 TCVN 53 *(60227 IEC 53)*	TCVN 6610-5:2014 *(IEC 60227-5:2011)*

5	Cáp điện có cách điện dạng đùn dùng cho điện áp danh định bằng 0,6/1(1,2) kV, ruột dẫn bằng đồng hoặc nhôm, cách điện bằng XLPE hoặc PVC, có hoặc không có giáp, vỏ bọc bằng PVC hoặc HF.	1,5; 2,5; 4; 6; 10; 16; 25; 35; 50; 70; 95; 120; 150; 185; 240; 300; 400; 630 (mm^2).	XLPE, PVC /PVC, HF		TCVN 5935-1:2013 *(IEC 60502-1:2009)*	TCVN 5935-1:2013 *(IEC 60502-1:2009)*
6	Cáp điện vặn xoắn cách điện bằng XLPE (loại X-90) điện áp làm việc đến 0,6/1 kV.	16; 25; 35; 50; 70; 95; 120; 150 (mm^2).	XLPE		TCVN 6447:1998	TCVN 6447:1998
7	Cáp điện cách điện bằng XLPE (loại X-90) điện áp làm việc đến 0,6/1 kV.	16; 25; 35; 50; 70; 95; 120; 150 (mm^2).	XLPE		AS/NZS 3560.1:2000	AS/NZS 3560.1:2000
8	Dây cáp điện có cách điện bằng Polyme, điện áp danh định đến và bằng 0,6/1(1,2) kV.	0.75; 1.0; 1.5; 2.5; 4.0; 6.0; 10; 16; 25; 35; 50; 70; 95; 120; 150; 185; 240; 300 (mm^2).	V-75, X-HF-90		AS/NZS 5000.1:2005	AS/NZS 5000.1:2005